

Bản án số: 47/2024/DS-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị H.

2. Ông Phạm T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên T. - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2024/QĐXXST-DS ngày 09/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 310/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số B đường Đ, tổ B, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Phước K, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số F đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2023). (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1978 và ông **Đinh Vĩnh P1**, sinh năm: 1964; Cùng địa chỉ: K đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hoàng Đ, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Số K đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng (theo các Giấy ủy quyền ngày 03/01/2024 và ngày 02/01/2024). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các đơn trình bày gửi cho Tòa án và các biên bản hoà giải của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày:* Vào ngày 20/7/2021, bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 vay bà Nguyễn Thị P số tiền 500.000.000đ và yêu cầu tính lãi. Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Vĩnh P1 và bà Nguyễn Thị H trả lại tổng số tiền là 700.000.000đ trong đó, số tiền gốc là: 500.000.000đ; tiền lãi tạm tính đến ngày 20/8/2023 là 200.000.000đ, lãi suất hàng tháng là 1,6% và yêu cầu tiếp tục tính lãi hàng tháng cho đến thời điểm mở phiên tòa. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ tổ B, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, bà P sẽ trả lại cho ông P1, bà H khi ông P1, bà H trả đủ số tiền nêu trên.

** Tại các biên bản hoà giải đại diện theo uỷ quyền của bị đơn – ông Đinh Hoàng Đ trình bày:*

Trong thời gian dịch Covid 19, bà Nguyễn Thị H có vay bà Nguyễn Thị P số tiền hơn 300.000.000đ. Nhưng vì lãi suất quá cao bà H không thể trả cho bà P được nên bà H đã cầm cố sổ đất cho bà P với mục đích để giảm lãi trước và vay mượn thêm 270.000.000đ hai bên hẹn đến tháng 7/2023 sẽ trả đủ số tiền 500.000.000đ. Vì nợ nần nhiều nên bà H đã bỏ nhà đi và có gọi về gia đình thông báo khoản nợ như trên. Gia đình bà H đã có làm việc với bà P liên quan đến khoản nợ nhưng không được. Bà H, ông P1 đồng ý trả số tiền 500.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 20/7/2021 và nhưng không đồng ý trả lãi. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình hiện nay khó khăn nên Bà H, ông P1 đề nghị được trả cho bà P theo hai phương án sau: Phương án số 1: Gia đình ông Đ sẽ trả trước cho bà P số tiền 100.000.000đ – 200.000.000đ và đề nghị được nhận lại Giấy tờ nhà để tiến hành vay tại Ngân hàng để trả bà P dứt điểm số tiền còn lại. Phương án số 2: Trả trước số tiền 100.000.000đ – 200.000.000đ và đề nghị được nhận lại Giấy tờ nhà để tiến hành vay tại Ngân hàng để trả bà P từng tháng 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P khởi kiện tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền với bị đơn là bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 có địa chỉ tại K đường T, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà P yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H, ông P1 trả lại cho bà tổng số tiền là 700.000.000đ, trong đó: tiền gốc: 500.000.000đ tiền lãi tạm tính đến ngày 20/08/2023 là: 200.000.000đ. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu về tiền lãi tương ứng với số tiền lãi nguyên đơn xin rút là 58.900.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày 20/5/2024 là: 141.100.000đ. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là: 500.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 20/5/2024: 141.100.000đ thấy rằng: Ông Đ đại diện theo uỷ quyền của bị đơn thừa nhận bà H, ông P1 có vay của bà P và thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các giấy nợ là do bà H tự viết, ông P1 và bà H ký tên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giấy mượn tiền ngày 20/7/2021 giữa bà P và bà H, ông P1 là có thật và hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đồng ý phía bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 500.000.000đ nên căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính lãi là 0,83%/tháng đối với số tiền gốc 500.000.000đ cụ thể: tính đến 20/5/2024 số tiền lãi là 141.100.000đ là có căn cứ chấp nhận nên áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Căn cứ vào “*Giấy vay tiền cầm cố tài sản trên giấy quyền sử dụng đất*” lập ngày 20/7/2021, bà P giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với số: BG 876925, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do Ủy ban nhân dân quận T, TP Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2011 đứng tên ông Đinh Vĩnh P1 và bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Tổ B, phường H, quận T, TP .. Xét việc thoả thuận trên giữa các bên là tự nguyện tuy nhiên việc bà P cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền của bà H - ông P1 là không đúng quy định pháp luật và chưa được đăng kí giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên không làm phát sinh hiệu lực đối với thoả thuận trên. Do đó, bà H, ông P1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà P có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu cho bà H, ông P1.

[5] Xét yêu cầu của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xin trả tổng số tiền 641.100.000đ cho nguyên đơn với phương thức như sau: Ngày 24/7/2024 trả 200.000.000đ và đề nghị được nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đứng tên bà H - ông P1 để tiến hành vay tại Ngân hàng để trả bà P số tiền 441.100.000đ vào ngày 24/12/2024, thấy rằng nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 có nghĩa vụ trả cho bà P tổng số tiền 641.100.000đ, trong đó tiền gốc: 500.000.000đ, tiền lãi: 141.100.000đ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $20.000.000đ + 4\% \times 241.100.000đ = 29.644.000đ$ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền 641.100.000đ (*Sáu trăm bốn mươi một triệu một trăm ngàn đồng*) Trong đó tiền gốc: 500.000.000đ, lãi 141.100.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Vĩnh P1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số : BG 876925, số vào sổ cấp GCN: CH 01192 do Ủy ban nhân dân quận T, TP Đà Nẵng cấp ngày 24/8/2011 đứng tên ông Đinh Vĩnh P1 và bà Nguyễn Thị H.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi đối với số tiền 58.900.000đ (*Năm mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*) do nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Vĩnh P1 phải chịu 29.644.000đ (*Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*) theo biên lai thu số 0002261 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bảo Huyền T.